

28.12.19

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: 93.1/2019/HĐ-KHĐT

Về việc thực hiện một phần công việc lập Phương án kỹ thuật, Phương án thi công thuộc phương án thăm dò phục vụ khai thác giai đoạn 2019-2020, Kế hoạch 5 năm 2021-2025 trong gianh giới Giấy phép khai thác số 2760/GP-BTNMT ngày 31/12/2008 khu trung tâm mỏ than Mông Dương

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015 và Luật thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 14/6/2005;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại Văn phòng Công ty cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

Địa chỉ : Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P Đại Kim, Q Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 024.62842542 Fax : 024.62842546

Số tài khoản: 122 1000 0002208 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Mã số thuế : 0101919181

Đại diện : Ông **Phạm Tuấn Anh** Chức vụ: P.Giám đốc

Giấy UQ số : 27/UQ-VITE ngày 12/9/2019 của Giám đốc công ty

BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Địa chỉ : Số 36 ngõ 30, Tạ Quang Bửu, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại : 024.37550428 Fax: 02437550428

Tài khoản số: 111000037499 - tại Vietinbank - CN Nam Thăng Long, Hà Nội.

Mã số thuế : 0101074336

Đại diện : Ông **Trần Đình Kiên** Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng nhau thống nhất ký kết hợp đồng với những điều khoản dưới đây:

Điều 1: Nội dung công việc:

Bên A giao và Bên B nhận thực hiện một phần công việc lập Phương án kỹ thuật, Phương án thi công thuộc phương án thăm dò phục vụ khai thác giai đoạn 2019-2020, Kế hoạch 5 năm 2021-2025 trong gianh giới Giấy phép khai thác số 2760/GP-BTNMT ngày 31/12/2008 khu trung tâm mỏ than Mông Dương, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

* Bản vẽ:

- Lập bản đồ bố trí các công trình thi công Phương án
- lập một số mặt cắt địa chất

* Thuyết minh:

- Thuyết minh công tác an toàn và bảo vệ môi trường
- Thuyết minh phần phương án và khối lượng của phương án
- Thuyết minh phần tổ chức thi công các công trình thăm dò
- Một số công việc khác.

Điều 2: Tiến độ, chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật:

Phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước và các quy trình, quy phạm chuyên ngành.

Tiến độ thực hiện: Từ khi ký hợp đồng đến khi báo cáo được Cơ quan có thẩm quyền có quyết định phê duyệt.

Điều 3: Điều kiện nghiệm thu:

- Bàn giao hồ sơ tài liệu: 01 bộ tài liệu + dữ liệu số
- Công trình chỉ được nghiệm thu khi đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn quy định hiện hành.

Điều 4: Giá trị hợp đồng và hình thức thanh toán:

4.1 Giá trị hợp đồng (Đã bao gồm thuế VAT): **489.584.259 đồng** (có phụ lục chi tiết kèm theo)

(Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi chín triệu, năm trăm tám mươi tư nghìn, hai trăm năm mươi chín đồng)

Giá trị trên là giá trị tạm tính, giá trị thanh toán chính thức căn cứ vào:

- Biên bản nghiệm thu công việc giữa hai bên.
- Biên bản thanh lý hợp đồng.

4.2 Loại hợp đồng: Đơn giá điều chỉnh

4.3 Hình thức thanh toán

Sau khi chủ đầu tư thanh toán khối lượng và giá trị thực hiện theo từng giai đoạn cho Bên A, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B khối lượng, giá trị hoàn thành theo tỷ lệ tương ứng trong vòng 60 ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Sau khi Chủ đầu tư có biên bản xác nhận giá trị hoàn thành công việc lập Phương án, hai bên tiến hành lập biên bản nghiệm thu hoàn thành theo tỷ lệ tương ứng, làm cơ sở để hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng. Bên A sẽ thanh toán giá trị còn lại cho Bên B trong vòng 60 ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Điều 5: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp:

+ Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có những vấn đề vướng mắc hoặc tranh chấp, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng trách nhiệm và quyền lợi của mỗi bên.

+ Trường hợp thương lượng không thành thì tranh chấp được đưa ra Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC). Phán xét của VIAC là quyết định cuối cùng có hiệu lực thi hành đối với cả hai bên.

Điều 6: Bất khả kháng:

6.1- Sự kiện bất khả kháng là sự việc xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lở đất, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh... và các thảm họa khác chưa lường hết được; sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

6.2- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên chịu ảnh hưởng sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- + Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

- + Thông báo cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- + Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình.

Điều 7. Thuởng, phạt vi phạm hợp đồng

- Thuởng hợp đồng: Không

- Phạt vi phạm hợp đồng: Trong trường hợp Bên B không hoàn thành đúng chất lượng sản phẩm theo yêu cầu quy định trong hợp đồng thì Bên B phải làm lại cho đúng và đủ theo yêu cầu của Bên A.

Điều 8: Tạm dừng, huỷ bỏ hợp đồng:

8.1- Tạm dừng thực hiện hợp đồng:

Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra;
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Các trường hợp khác do hai bên thảo luận.

Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết. Trường hợp một bên tạm dừng mà không thông báo gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên bị thiệt hại.

Thời gian và mức độ đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận để khắc phục.

8.2- Huỷ bỏ hợp đồng:

- + Trường hợp Bên B thực hiện chậm tiến độ theo yêu cầu của Bên A sau khi Bên A đã gửi văn bản nhắc nhở lần 3 thì Bên A sẽ đơn phương huỷ bỏ hợp đồng. Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do Bên B gây ra kể cả phần làm chậm tiến độ.

- + Một bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thoả thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

- + Bên huỷ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường.

- Trong trường hợp Bên B không hoàn thành đúng chất lượng sản phẩm theo yêu cầu quy định trong hợp đồng thì Bên B phải làm lại cho đúng và đủ theo quy định của Bên A.

Điều 9: Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng đảm bảo tiến độ đã đề ra trong hợp đồng, đảm bảo chất lượng yêu cầu của Bên A, phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước và các quy trình, quy phạm chuyên ngành.

Chịu trách nhiệm với Bên A về các số liệu thu thập, đảm bảo an toàn, bảo mật trong quá trình thực hiện công việc.

Bồi thường thiệt hại cho Bên A khi cung cấp cho Bên A tài liệu sai, sử dụng các thông tin, tài liệu, quy chuẩn không phù hợp, mức đền bù thỏa thuận theo mức thiệt hại gây ra.

Điều 10: Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

Tạo điều kiện cho Bên B thực hiện công việc thuận lợi.

Nghiệm thu, thanh toán hợp đồng sau khi công việc hoàn thành.

Điều 11: Điều khoản cam kết:

- Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng.
- Trường hợp phát sinh ngoài thỏa thuận trên, hai bên sẽ ký phụ lục hợp đồng hoặc biên bản bổ sung. Các phụ lục và biên bản bổ sung (nếu có) là một phần của hợp đồng.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng được lập thành 06 bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 03 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A #2 ✓

Phó Giám đốc *uau*



Phạm Tuấn Anh

ĐẠI DIỆN BÊN B

Giám đốc



Trần Đình Kiên

PHỤ LỤC

(Kèm theo Hợp đồng số 93.1/2019/HĐ-KHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2019)

STT	Nội dung	Cách tính	Giá trị	Ghi chú
1	Giá trị lập Đề án	GTCT	2.225.382.995	
2	Giá trị thuê bên B thực hiện một phần công việc lập Đề án (20%: là tỷ lệ bên A thuê bên B)	(1) x 20%	445.076.599	
3	Thuế VAT (10%)	(2) x 10%	44.507.660	
4	Giá trị hợp đồng	(2) + (3)	<u>489.584.259</u>	

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2019

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG, GIÁ TRỊ HOÀN THÀNH NĂM 2019
Về việc thực hiện Hợp đồng số 93.1/2019/HĐ-KHĐT ngày 30/9/2019**

I. Căn cứ nghiệm thu

- Căn cứ Hợp đồng số 93.1/2019/HĐ-KHĐT ngày 30/9/2019 giữa Công ty CP Tin học Công nghệ, Môi trường - Vinacomin (VITE) và Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất về việc thực hiện một phần công việc lập Phương án kỹ thuật, Phương án thi công thuộc phương án thăm dò phục vụ khai thác giai đoạn 2019-2020, Kế hoạch 5 năm 2021-2025 trong gianh giới Giấy phép khai thác số 2760/GP-BTNMT ngày 31/12/2008 khu trung tâm mỏ than Mông Dương;

- Căn cứ biên bản bàn giao tài liệu ngày tháng năm 2019.

II. Thời gian, địa điểm, đối tượng nghiệm thu

- Thời gian, địa điểm

+ Bắt đầu: 8 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 12 năm 2019.

+ Kết thúc: 11 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 12 năm 2019.

+ Địa điểm: Công ty CP Tin học Công nghệ Môi trường - Vinacomin.

- Đối tượng nghiệm thu: Tài liệu thực hiện theo hợp đồng số 93.1/2019/HĐ-KHĐT ngày 30/9/2019 của Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất thực hiện.

III. Thành phần nghiệm thu

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

- Ông Phạm Tuấn Anh

Chức vụ: Phó Giám đốc

- Ông Nguyễn Hoàng Huân

Chức vụ: TP. Địa chất

- Ông Nguyễn Thành Nam

Chức vụ: TP. Kế hoạch - Đầu tư

- Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Chức vụ: Kế toán trưởng.

- Ông Nguyễn Đăng Luật

Chức vụ: Chủ nhiệm công trình

BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

- Ông Trần Đình Kiên

Chức vụ: Giám đốc

IV. Nội dung nghiệm thu

4.1 Về khối lượng, chất lượng

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ tài liệu + 01 đĩa CD ghi nội dung tài liệu số.

- Chất lượng hồ sơ: Sau khi kiểm tra tài liệu hồ sơ bàn giao đã xác định: Các tài liệu do bên B thực hiện theo nội dung hợp đồng; Phù hợp với Tiêu chuẩn quy định của Nhà nước cũng như của ngành, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, rõ ràng, sạch đẹp.

- Tiến độ thực hiện: Thực hiện đúng tiến độ theo yêu cầu của Bên A.

4.2 Về giá trị

- Giá trị hợp đồng: 489.584.259 đồng (đã bao gồm VAT)
- Giá trị đã xác nhận: 0 đồng
- Giá trị xác nhận lần này là: **133.786.571 đồng** (đã bao gồm VAT)
(Bằng chữ: Một trăm ba mươi ba triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn,
năm trăm bảy mươi một đồng)

(chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Biên bản này là căn cứ để Bên A thanh toán giá trị xác nhận cho Bên B.

Biên bản lập thành 06 bản, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Tuấn Anh

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC



Trần Đình Kiên

PHỤ LỤC

(Kèm theo biên bản xác nhận ngày 28 tháng 12 năm 2019)

STT	Nội dung	Cách tính	Giá trị (đồng)	Ghi chú
1	Giá trị lập Đề án (theo khối lượng bổ sung kế hoạch năm 2019 do Công ty Địa chất mỏ - TKV thi công)	GTCT	608.120.777	
2	Giá trị thuê bên B thực hiện một phần công việc lập Đề án (20%: là tỷ lệ bên A thuê bên B)	(1) x 20%	121.624.155	
3	Thuế VAT (10%)	(2) x 10%	12.162.416	
4	Tổng cộng (đã bao gồm VAT)	(2) + (3)	<u>133.786.571</u>	